

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lẹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Lực
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Lý Kim C, sinh năm 1983; HKTT: ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp về phần tài sản là anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1993; địa chỉ: khóm B, TT. L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019; Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn Nguyễn Hoàng V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V và chị C quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2005, đến ngày 07 tháng 7 năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L. Anh V và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V và chị C không đồng nhất về quan điểm sống, không hợp nhau, hay

xảy ra cãi nhau, chị C tự ý bỏ nhà đi, có lần còn đánh anh V, nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Quá trình chung sống anh V và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/11/2005 và Nguyễn Văn Huỳnh Q, sinh ngày 17/9/2008, con chung hiện đang sống với chị C, sau khi ly hôn, anh V đồng ý để chị C nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Như và Huỳnh Q, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng có diện tích đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp hiện anh V đang đứng tên, anh V thống nhất giá trị của thửa đất là 70.000.000 đồng. Anh V đồng ý chia đôi mỗi người  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất trên sau khi trả hết nợ cho anh Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị D.

Anh V không yêu cầu đòi với xe Wave Anpha biển số 66V1 – 01281.

Về nợ chung: Trong quá trình sống chung anh V và chị C có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện L số tiền 4.000.000 đồng, anh V đã xuất tiền cá nhân trả cho Ngân hàng, nên nay anh V yêu cầu chị C trả lại anh V 2.000.000 đồng.

Nợ mua vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh T 27.111.000 đồng. Trong thời gian ly thân, anh V đã xuất tiền cá nhân ra trả cho anh T còn lại 13.993.000 đồng.

Nợ hụi bà Lưu Thị D 35.000.000 đồng, anh V đã xuất tiền cá nhân ra đóng cho bà D được 20.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng.

Đối với nợ anh T và nợ bà D thì anh V yêu cầu chị C cùng anh V thanh toán cho anh T và bà D bằng tài sản chung là giá trị thửa đất số 581.

Đối với số tiền anh V đã xuất tiền cá nhân ra trả cho anh T và bà D thì anh V yêu cầu chị C phải trả lại anh V  $\frac{1}{2}$  số tiền này.

Bị đơn Lý Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh V quen biết và tổ chức đám cưới vào năm 2005, đến ngày 07 tháng 7 năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L. Anh V và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mẹ anh V đuổi chị C ra khỏi nhà, hay xảy ra cãi nhau nên chị C bỏ đi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị C đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống anh V và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/11/2005 và Nguyễn Văn Huỳnh Q, sinh ngày 17/9/2008, con chung hiện đang sống với chị C, sau khi ly hôn chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Như và Huỳnh Q, chị C yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị C thống nhất giá trị là 70.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi, chị C nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị với số tiền là 35.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia 01 chiếc xe Wave Anpha biển số 66V1 -01281 chị C đang sử dụng và xe Sirius biển số 67L1 – 142.37 anh V đang sử dụng thì chị C rút yêu cầu, thống nhất mỗi người sử dụng một chiếc.

Về nợ chung: Chị C đồng ý trả cho anh V 2.000.000 đồng tiền vay Ngân hàng chính sách xã hội – PGD huyện L.

Đối với nợ bà D và nợ anh T thì chị C không đồng ý.

Anh Nguyễn Thanh L thống nhất với lời trình bày của chị C về phần tài sản không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh V với chị C. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N và Nguyễn Văn Huỳnh Q cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh V cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chia đôi thửa đất số 581, tờ bản đồ 24, anh V được tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ trả cho chị C 35.000.000 đồng. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng V xin ly hôn với chị Lý Kim C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh V với chị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh V cho rằng vợ chồng có nợ của anh Nguyễn Thanh T, bà Lưu Thị D nhưng sau khi Tòa án xác minh thì bà D cho rằng bà Lê Thị B đã xuất tiền trả cho anh V và chị C, còn bà B, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu như vợ chồng V, C không thực hiện nghĩa vụ thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch L có thông báo là anh V đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên không yêu cầu gì.

Vì vậy, Tòa án loại bỏ tư cách đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với anh T, bà D, bà B, Ngân hàng chính sách là phù hợp với quy định tại điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị Lý Kim C và anh Nguyễn Hoàng V đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh V với chị C.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/11/2005 và Nguyễn Văn Huỳnh Q, sinh ngày 17/9/2008, con chung hiện đang sống với chị C, nguyện vọng của cháu N và cháu Q muốn sống với chị C, hiện nay chị C vẫn chăm sóc cháu N và cháu Q phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, anh V cũng đồng ý để chị C tiếp tục trực tiếp nuôi cháu N và cháu Q. Vì vậy, giao cháu N và cháu Q cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị C là người trực tiếp nuôi con, anh V không trực tiếp nuôi con nên chị C yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản: Anh V và chị C thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn Hoàng V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh V đang quản lý sử dụng, giá trị thửa đất hiện nay là 70.000.000 đồng. Anh V yêu cầu thanh toán hết nợ sau đó còn lại bao nhiêu thì mới đồng ý chia đôi giá trị thửa đất là không phù hợp vì thửa đất 581, tờ bản đồ 24 là tài sản chung của anh Vui với chị C.

Chị C yêu cầu được nhận giá trị với số tiền là 35.000.000 đồng, đồng ý giao thửa đất số 581 lại cho anh V sử dụng là phù hợp vì anh V là người đang quản lý sử dụng.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà anh V yêu cầu chị C trả lại thì chị C cũng đồng ý nên công nhận sự tự nguyện của chị C về việc trả lại anh V 2.000.000 đồng.

[2.4] Về nợ: Anh V cho rằng đã xuất tiền ra trả nợ của bà D số tiền 20.000.000 đồng là không có căn cứ vì tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020 bà D cho rằng số tiền 20.000.000 đồng này là do bà Lê Thị B trả thay cho anh V, đối với bà D thì không yêu cầu trong vụ án này mà nếu V, C không trả sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Anh V cho rằng đã đưa tiền cho bà B đóng hui cho bà D nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Anh V cho rằng đã xuất tiền ra trả nợ của anh Nguyễn Thanh T còn nợ lại 13.993.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020, anh T cho rằng anh V có trả được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại thì anh T không yêu cầu trong vụ án này mà nếu V, C không trả sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Chị C cho rằng trong quá trình sống chung có mua vật tư nông nghiệp của anh Nguyễn Thanh T, số tiền bao nhiêu thì không nhớ, để sử dụng vào việc canh tác đất của vợ chồng còn nợ lại 13.993.000 đồng nhưng không đồng ý trả. Trong quá trình chung sống với anh V có tham gia dây hui 5.000.000 đồng do bà D làm chủ hui, hốt thời gian nào không nhớ, số tiền hốt được sử dụng vào mục đích trang trải cuộc sống gia đình, sau khi hốt hui có đóng hui chết được khoảng 03 - 04 lần rồi không đóng nữa nhưng chị C không đồng ý đóng số tiền hui chết còn lại cho bà D. Do đó, nợ mua vật tư nông nghiệp của anh T và nợ hui của bà D là nợ chung của anh V và chị C trong thời kỳ hôn nhân.

Tuy nhiên, do anh T và bà D, bà B không yêu cầu gì trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu bà D, anh T, bà B khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Lý Kim C đã nộp và chi xong nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị C, anh V phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 58, 59 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng V với chị Lý Kim C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/11/2005 và Nguyễn Văn Huỳnh Q, sinh ngày 17/9/2008 cho chị Lý Kim C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N mỗi tháng bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cấp dưỡng cho con chung tên Nguyễn Văn Huỳnh Q mỗi tháng bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời hạn cấp dưỡng cho cháu N và cháu Q từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu N và cháu Q đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản: Anh Nguyễn Hoàng V được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và Sơ đồ đo đạc số 01/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ huyện Lấp Vò năm 2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

Anh Nguyễn Hoàng V được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Hoàng V trả giá trị cho chị Lý Kim C với số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Công nhận sự tự nguyện của chị Lý Kim C về việc chị C có trách nhiệm trả cho anh V số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe Wave Anpha biển số 66V1 -01281 và xe Sirius biển số 67L1 – 142.37.

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 1.750.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0006342 ngày 11/10/2019 và Biên lai số BH/2018/0009184 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Anh Nguyễn Hoàng V phải nộp thêm 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Chị C phải nộp 1.850.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo Biên lai số BH/2018/0009185 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, chị Lý Kim C phải nộp thêm 49.000 đồng (Bốn mươi chín nghìn đồng).

6. Anh Nguyễn Hoàng V với chị Lý Kim C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lệ**

